TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiếu
2. Ông Lương Mạnh Tường

- *Thư ký phiên toà:* Ông Bùi Quang Trung – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Bích L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Tiền P 2, xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Bồ S, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Đinh Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Duy Đ kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Bồ S, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại quê chị là xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt. Hiện nay anh Đ về trên quê anh là xã Bồ S, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Đ có 01 con chung là cháu sinh ngày 23/5/2014. Hiện cháu đang ở với chị L. Nếu ly hôn chị xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Anh Nguyễn Duy Đ thể hiện tại bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt gửi cho Tòa án, cụ thể: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị L trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, anh chị đã ly thân. Nay chị L xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 23/5/2014. Hiện cháu đang ở với chị L.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu.

Ý kiến của cháu Nguyễn Thế A: Thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 26/01/2022. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ, vì cháu ở với mẹ từ nhỏ, hiện tại cháu đang sinh sống và học tập ổn định với mẹ tại xã Văn P, cháu không muốn bị xáo trộn cuộc sống.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của Chị Đinh Thị Bích L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên đối với anh Đ đang ở tỉnh Vĩnh Phúc, do tình hình dịch bệnh phức tạp, anh có gửi ý kiến cá nhân về và yêu cầu xin xử vắng mặt, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn có hộ khẩu tại Thôn Đ, xã Bồ S, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên bị đơn có đơn xin lựa chọn Tòa án nhân dân huyện N là nơi giải quyết vụ án, vì vậy Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đinh Thị Bích L. Xử ly hôn giữa Chị Đinh Thị Bích L và anh Nguyễn Duy Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 23/5/2014, cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

3. Về án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn hiện đang cư trú tại Thôn Đ, xã Bồ S, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.Tuy nhiên bị đơn có đơn chọn Tòa án huyện N làm nơi giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Đinh Thị Bích L và Anh Nguyễn Duy Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh Đ thường xảy ra xung đột và kéo dài nhiều năm nay, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh Đ là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 23/5/2014. Hiện cháu đang ở với chị L. Nguyện vọng của chị L xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ cũng đồng ý để chị L tiếp tục nuôi cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị L khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Thế A hiện đang đi học tại xã Văn P, huyện N và có nguyện vọng tiếp tục ở với chị L. Mặt khác các bên thống nhất không có

tranh chấp. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu nên giao cháu Thế A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đinh Thị Bích L. Xử ly hôn giữa Chị Đinh Thị Bích L và Anh Nguyễn Duy Đ,

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế A sinh ngày 23/5/2014 (Hiện cháu đang ở với chị L) cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, ng□ời không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ□ợc cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Việc thay

đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Trong trường hợp xét thấy cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị Bích L phải chịu là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003408 ngày 16/11/2021 .

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Bích L và Anh Nguyễn Duy Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Bồ S, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc ;*
- *UBND xã Văn P*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh